

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-PT
Ngày 20-12-2017
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;
Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng;
Ông Nguyễn Văn Thuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLPT-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc: **“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”**. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2017/QĐ-PT, ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Huỳnh Đ

Địa chỉ: 191, đường 23/3, tổ dân phố 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2016) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phúc Đ – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị Hạnh và ông Phạm Quang Long – Là trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Lệ T – Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Bà Phan Thị H – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H: Ông Nguyễn Phúc Đ

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017) – Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Phúc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2016 của ông Nguyễn Văn T và lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

Từ năm 2005-2012, ông Nguyễn Phúc Đ, bà Phan Thị H có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý phân bón T Th rất nhiều lần, với hình thức mua bán lấy hàng hóa trước trả tiền sau, mỗi lần mua đều có ghi chép vào sổ có chữ ký của ông Đ.

Đến ngày 22/8/2011, ông T và ông Đ đã thống nhất chốt lại số nợ đã được ghi chép vào sổ trước đó chuyển qua sổ mới, cụ thể ông Đ còn nợ của ông T 49.600.000 đồng và 260kg cà phê nhân xô đồng thời ông Đ còn mua thêm 06 tạ phân bón, giá mỗi tạ 1.400.000 đồng, thành tiền tiền là 8.400.000 đồng, ông Đ đã ký xác nhận nợ.

Ngày 28/8/2011, ông Đ mua tiếp 01 tạ phân Song Long giá trị 1.400.000 đồng; ngày 16/10 mua 01 can thuốc cỏ giá trị 275.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đ còn nợ ông T là 59.675.000 đồng. Ngày 12/4/2012, ông Đ đã trả được 15.000.000 đồng, hiện còn nợ ông T số tiền 44.675.000 đồng và 260 kg cà phê nhân xô. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền gốc là 44.675.000 đồng và 260kg cà phê nhân xô và 8.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 29/9/2017, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 8.000.000 đồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phúc Đ trình bày:

Ông Đ thừa nhận từ năm 2005 – 2012 ông nhiều lần mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý “T Th” do ông T trực tiếp bán, mỗi lần mua đều có ghi vào sổ, có chữ ký của ông Đ. Ngày 22/8/2011, ông T chuyển các khoản nợ được ghi trong sổ cũ sang sổ mới, ông T đã tính lãi 30%/tháng, nên số nợ tăng lên thành 49.600.000 đồng, thực chất số tiền ông nợ chỉ khoảng 20.000.000 đồng. Đối với 260 kg cà phê nhân xô là do ông T quy đổi từ tiền mua phân bón sang thành cà phê, chứ thực tế ông không vay cà phê của ông T. Ông xác định ngày 28/8/2011, ông Đ mua tiếp 01 tạ phân giá 1.400.000 đồng; ngày 16/10 mua 01 can thuốc cỏ giá 275.000 đồng. Ngày 12/4/2012, ông Đ đã trả được 15.000.000 đồng, hiện còn nợ ông T khoảng 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng tiền gốc. Ông thừa nhận có ký vào giấy thể hiện mua phân bón do ông T cung cấp (BL 12). Tuy nhiên, do phân bón kém chất lượng làm ảnh hưởng đến cây cà phê, còn cây cao su bị chết, nên ông không chấp nhận trả tiền cho ông T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T (vợ ông T) trình bày: Bà thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Văn T, không bổ sung gì thêm.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:** Bà thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Phúc Đ (chồng bà), không có ý kiến gì bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phan Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 44.675.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và 260 kg cà phê nhân xô do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2017 ông Nguyễn Phúc Đ làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông chỉ thừa nhận tổng nợ 25.000.000 đồng, đã trả được 15.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa trả. Đề nghị Toà án cấp phúc xem xét lại chứng cứ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Đ cho rằng trong số nợ 49.600.000 đồng ông nhớ chỉ nợ tiền gốc khoảng 20.000.000 đồng và khoảng 3.600.000 đồng tiền lãi, do ông T tính lãi suất 30%/tháng mới lên số tiền 49.600.000 đồng. Ngày 28/8/2011, ông có mua ông T 01 tạ phân Song Long giá trị 1.400.000 đồng. Đối với khoản nợ ngày 22/8/2011 là 8.400.000 đồng; ngày 16/10 là 275.000 đồng và 260 kg cà phê, đây là các khoản nợ ông T tự ghi vào không có chữ ký của ông, nên ông không chấp nhận trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng chứng cứ giấy chốt nợ ông T cung cấp không được rõ ràng, có những khoản nợ không có chữ ký của ông Đ và ông không thừa nhận nợ, không thể hiện thời điểm chốt nợ, ai là người chốt nợ, số nợ là bao nhiêu, đã tính lãi suất hay chưa. Không ghi số lượng, đơn giá và nhãn mác loại phân, giá tiền không có đơn vị tính như ngàn, đồng trăm... loại tiền giao dịch. Việc thanh toán chốt nợ cũng không rõ ràng, không chốt các mục từ trên xuống theo cột dọc, không ghi tổng số tiền, đơn vị tính đồng Việt Nam hay bằng loại tiền khác. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi nhưng cấp sơ thẩm cũng không thể hiện trong bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 68, Điều 271, Điều 272, Điều 259 và Điều 304 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ và xem xét chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Phúc Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án

nhân dân huyện Đ theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc Ông Nguyễn Phúc Đ phải trả cho ông T 10.000.000 đồng (23.600.000 đồng + 1.400.000 đồng – 15.000.000 đồng đã trả) và 260 kg cà phê nhân xô. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T với số tiền 34.675.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phúc Đ, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Quá trình giải quyết ông T xác định từ năm 2005 đến 2011, gia đình ông Đ có mua nợ phân bón tại đại lý T Th do ông làm chủ rất nhiều lần, mỗi lần mua đều ký vào sổ, hẹn đến cuối năm thanh toán. Do ông Đ không thanh toán đủ số nợ, nên ngày 22/8/2011, giữa ông T và ông Đ đã thống nhất chốt nợ, ông Đ còn nợ 49.600.000 đồng và 260kg cà phê nhân xô, ông Đ đồng ý và ký nhận nợ, sau khi chốt nợ thì toàn bộ giấy tờ ghi nợ trước đó ông T đã hủy bỏ. Tại thời điểm chốt nợ, cùng ngày 22/8/2011, ông Đ mua thêm 06 tạ phân bón hiệu Song Long x 1.400.000 đồng/tạ = 8.400.000 đồng; ngày 28/8/2011, ông Đ mua tiếp 01 tạ phân giá 1.400.000 đồng; ngày 16/10 mua 01 can thuốc cỏ giá 275.000 đồng, ông Đ ký nhận nợ. Ngày 12/4/2012, ông Đ đã trả cho ông T được 15.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 44.675.000 đồng và 260 kg cà phê nhân xô (BL 12).

Tuy nhiên, ông Đ chỉ thừa nhận trong khoản nợ 49.600.000 đồng, ông nhớ chỉ nợ tiền gốc khoảng 20.000.000 đồng mua phân NPK vào năm 2010, ông T tính lãi suất 30%/tháng mới lên số tiền trên. Ngày 28/8/2011, ông mua tiếp 01 tạ phân Song Long giá 1.400.000 đồng, số tiền còn lại ông không thừa nhận. Ngày 12/4/2012, ông Đ đã trả cho ông T được 15.000.000 đồng. Đối với 260 kg cà phê nhân xô, số tiền 8.400.000 đồng và 275.000 đồng ông không thừa nhận nợ, do ông T tự ghi vào sổ, không có chữ ký của ông. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy ghi nợ (BL 12) thể hiện: Ngày 22/8/2011 Đ thôn 6, 49.600.000đ; cà phê 260 kg; ngày 22/8/2011 06 tạ x 140 = 8.400.000đ viết bằng mực màu xanh, ông Đ có ký vào phía dưới có cùng màu mực. Như vậy, đã có đủ căn cứ chứng minh ông Đ đã ký xác nhận đối với 03 khoản nợ đã viết ở phần trên.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận trong giấy chốt nợ ngày 22/8/2011, ông có ký 03 chữ ký cụ thể: 01 chữ ký tại hàng thứ nhất dưới lên và 02 chữ ký nằm gần nhau tại hàng thứ 4 dưới lên, trong đó có một chữ ký bằng mực màu xanh và một chữ ký bằng mực màu đen (BL 12). Lý do ông ký hai chữ ký gần nhau là vì khi ký chữ ký thứ nhất thấy không rõ, nên mượn bút màu xanh ký tiếp chữ ký thứ hai, chứ không phải chữ ký có mực màu xanh là ký xác nhận đối với 03 nội dung đã được ghi chép ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông Đ như trên là không có căn cứ, không phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Quá trình giải quyết, ngày 01/12/2017, ông Đ đã làm đơn yêu cầu ông

Nguyễn Văn T cung cấp chứng cứ là cuốn sổ ghi chép nợ mua bán phân bón từ năm 2011 trở về trước (BL 106). Ngày 04/12/2017, Toà án đã ban hành Quyết Đ yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ (BL 108). Ngày 07/12/2017, Toà án đã nhận được bản giải trình về việc cung cấp chứng cứ, ông T xác định những giấy tờ ghi nợ trước ngày 22/8/2011 hiện nay không còn lưu giữ, nên không có để cung cấp cho Toà án (BL 112). Như vậy, hiện nay ông T không cung cấp được chứng cứ là cuốn sổ ghi chép nợ tiền mua phân bón, do đó không có chứng cứ chứng minh trong số tiền 49.600.000 đồng có bao nhiêu nợ gốc và nợ lãi, tại thời điểm chốt nợ cũng không thể hiện tiền lãi. Ông Đ cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông T tính lãi suất 30%/tháng, nên không có căn cứ chấp nhận trong số tiền trên chỉ có khoảng 20.000.000 đồng tiền gốc như lời khai của ông Đ.

[4]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2017 ông Đ thừa nhận: “Có ký vào giấy mua bán đề các ngày 22/8/2011; ngày 28/8/2011; ngày 12/4/2012 do ông T cung cấp ... Số cà phê 260 kg ghi nợ đề ngày 22/8/2011 thực chất là tiền nợ phân bón ông T quy ra cà phê nhân xô... ông thừa nhận nợ ông T số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 44.675.000 đồng tiền gốc và 260 kg cà phê nhân xô và thừa nhận có ký vào giấy tờ mua bán đó. Tuy nhiên, do ông T bán phân kém chất lượng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cà phê, ca cao, nên vợ chồng ông không đồng ý trả cho ông T số tiền và cà phê trên” (BL 16-17). Tại BL số 29, 31 ông Đ cũng thừa nhận: “Có mua phân bón của ông T và nợ 260 kg cà phê và thừa nhận có ký vào giấy tờ mua bán. Tuy nhiên, do ông T bán phân kém chất lượng, nên vợ chồng tôi không đồng ý trả”.

[5]. Mặt khác, tại phiên toà sơ thẩm ông Đ thừa nhận trong tổng số tiền 44.675.000 đồng mà không T khởi kiện tiền nợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thì ông chỉ nợ tổng cộng là 25.000.000 đồng, trong đó 8.400.000 đồng tiền phân ngày 22/8/2011; 1.400.000 đồng tiền phân ngày 28/8/2011; 275.000 đồng ngày 16/10 và 260 kg cà phê nhân xô và một số nợ trước đó còn lại (BL 83). Như vậy, lời khai của ông Đ có sự mâu thuẫn không thống nhất trong quá trình giải quyết, ông Đ cũng không có chứng cứ gì chứng minh hiện nay ông chỉ còn nợ ông Đ khoảng 10.000.000 đồng, ngoài ra không nợ khoản nào khác. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết buộc ông Đ phải trả cho ông T 44.675.000 đồng và 260 kg cà phê nhân xô là có căn cứ.

[6]. Ông Đ cho rằng do ông T bán phân kém chất lượng ảnh hưởng đến cây trồng của gia đình ông, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh ông T bán phân kém chất lượng, nên không có căn cứ xem xét.

[7]. Đối với yêu cầu tính lãi suất quá trình giải quyết người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Toà án giải quyết đối với số tiền lãi, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi đã rút là có phần thiếu sót cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, việc thiếu sót của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung

giải quyết vụ án. Do đó cấp phúc thẩm phải đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất là phù hợp pháp luật.

[8]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa và quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là chưa phù hợp.

[9]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phúc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Phúc Đ phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 286; Điều 428; khoản 1 Điều 432; Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phúc Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Phần tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phan Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 44.675.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và 260kg cà phê nhân xô.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phan Thị H phải nộp 2.779.500 đồng (*hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.550.500 đồng (*một triệu năm trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Huỳnh Đ người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0003900 ngày 19/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Phúc Đ phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên số 0000397 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông